

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
CHƯ PĂH - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 15 - 01- 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Võ Nguyên Giác;**

2. Ông Trịnh Văn Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Nữ Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 06 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán Cà phê quả tươi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 17/12/2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn 01, xã Ia Nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

-Bị đơn: ông Đặng Văn T, sinh 1964 và bà Lê Thị H, sinh 1965;

Địa chỉ: Thôn Ia Sik, xã Ia Nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/06/2020, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H trình bày :

Tôi và vợ chồng ông T, bà H có quen biết nhau vì đều là người dân cùng trú tại xã Ia Nhin, huyện Chư Păh. Do cần tiền để giải quyết công việc riêng nên vào ngày 30/07/2019, có ông T, bà H và ông Đặng Văn D là con của ông T, bà H đã đến nhà tôi để vay số tiền 44 triệu đồng, giấy vay tiền này do mẫu tôi in sẵn không đủ chỗ viết nên chỉ viết phần tên người vay là ông Đặng Văn D nhưng thực tế là ông T, bà H vay tiền tôi, khi đó tôi yêu cầu ông T, bà H và ông D ký vào phần “Người vay tiền”, hẹn đến ngày 20/11/2019 thu hoạch mùa cà phê sẽ trả cho tôi. Khi tôi tìm hiểu biết được ông D không có vườn rẫy cà phê mà chỉ có ông T, bà H mới có cà phê nên tôi đề nghị ông T bà H sẽ chịu trách nhiệm trả tôi bằng quả cà phê tươi của vợ chồng ông T, bà H với số lượng là 7.500 kg tương đương với số tiền 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng). Sau khi thống nhất xong, hai bên đã viết Giấy “ *Giấy nhận tiền bán cà phê quả tươi để lấy tiền đầu tư hoặc giải quyết các công việc khác lúc cần*”, giấy do bà H viết có bà H, ông T cùng ký và có người làm chứng tên là ông Thái T cùng ký vào giấy đề ngày 30/07/2019. Trước khi viết lại giấy này, tôi đã giao đủ số tiền trên cho ông T, bà H. Lúc đó, ông T, bà H cam kết kể từ ngày 20/10/2019 đến ngày 20/11/2019 sẽ trả đủ số lượng cà phê tươi là 7.500kg cho tôi.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, ông T, bà H không nghiêm chỉnh thực hiện thỏa thuận như đã viết trong giấy ngày 30/7/2019, không thanh toán số lượng cà phê tươi nói trên cho tôi. Mặc dù tôi đã đòi nợ nhiều lần đối với ông T, bà H nhưng ông T và bà H không chịu trả cho tôi một kg cà phê hoặc một đồng nào, gây rất nhiều khó khăn cho tôi vì thiếu vốn làm ăn.

Khi thực hiện hợp đồng mua bán cà phê quả tươi thì ông T bà H đã thế chấp cho tôi **02 Bản gốc Sổ hộ khẩu của vợ chồng ông T, bà H và con ông T, bà H là Đặng Văn D hai bên thỏa thuận khi nào ông T, bà H trả cho tôi hết khoản tiền hoặc cà phê trên** thì tôi trả lại 02 quyển sổ hộ khẩu. Ngoài ra, ông T bà H không thế chấp giấy tờ tài sản gì khác.

Việc ông T, bà H cho rằng không có vay tôi số tiền 44 triệu đồng hoặc không có đồng ý bán cho tôi 7.500kg cà phê quả tươi mà chỉ có vay của tôi 27 triệu đồng là không đúng. Tôi cung cấp thêm cho Tòa án “Giấy vay tiền” của ông Đặng Văn D ngày 30/7/2019 (bản pho to) để chứng minh rằng ông T, bà H đã vay của tôi 44 triệu đồng. Tôi thừa nhận Giấy vay tiền tên ông Đặng Văn D ngày 30/7/2019, có chữ ký của ông T, bà H và giấy “ *Giấy nhận tiền bán cà phê quả tươi để lấy tiền đầu tư hoặc giải quyết các công việc khác lúc cần*” ngày 30/7/2019 của ông T, bà H chỉ là một, chứng minh cho khoản tiền ông T, bà H đã vay của tôi số tiền 44.000.000đ (*bốn mươi bốn triệu đồng*) ngày 30/7/2019. Ngoài ra ông Đặng Văn D không có vay tiền tôi.

Tôi yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà H phải trả cho tôi số tiền 44 triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/11/2019 đến ngày 15/01/2021 (ngày xét xử) là 2.640.000đ. Tổng cộng 2 khoản tiền trên là: 46.640.000 đồng làm 01 lần. Tôi

không yêu cầu trả bằng Cà phê tươi nữa. Khi nào ông T, bà H trả cho tôi hết số tiền trên thì tôi sẽ trả lại sổ hộ khẩu đứng tên Đặng Văn D và sổ hộ khẩu đứng tên ông Đặng Văn T cho ông T, bà H. Tôi không đồng ý phương thức trả làm 02 lần của ông T, bà H.

Về án phí và các chi phí khác: Tôi yêu cầu bà H, ông T phải chịu toàn bộ về án phí, chi phí tố tụng. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Trong các biên bản hòa giải, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà bị đơn **ông Đặng Văn T và bà Lê Thị H trình bày:**

Chúng tôi chỉ nợ của ông H số tiền là 27.000.000đ vào ngày 30/01/2019, lúc đó do ông T bị bệnh, cần tiền để đi bệnh viện nên đã vay tiền của ông H. Chúng tôi đã ký vào Giấy vay tiền do ông H in sẵn, không có chữ ký của ông H trong giấy này. Sau đó, đến ngày 30/07/2019 ông H đã gọi chúng tôi đến nhà ông ấy để yêu cầu chúng tôi viết “Giấy bán quả cà phê tươi, đề ngày 30/07/2019 với giá tiền là 44.000.000đ, như ông H đã cung cấp cho Tòa án. Thực chất vào ngày 30/07/2019, chúng tôi không nhận của ông H một đồng nào nữa. Thực chất số tiền 17.000.000đ là tiền lãi của số tiền 27.000.000đ trong thời gian 6 tháng (từ 10/01/2019 đến 30/07/2019). Chúng tôi chấp nhận còn nợ ông H số tiền là 44.000.000đ (*bốn mươi bốn triệu đồng*) và đồng ý với ý kiến của ông H là “Giấy vay tiền” của ông Đặng Văn D ngày 30/7/2019 có chữ ký của ông T, bà H và giấy “*Giấy nhận tiền bán cà phê quả tươi để lấy tiền đầu tư hoặc giải quyết các công việc khác lúc cần*” ngày 30/7/2019 của ông T, bà H chỉ là một, chứng minh cho khoản tiền chúng tôi đã vay của ông H số tiền 44.000.000đ (*bốn mươi bốn triệu đồng*) ngày 30/7/2019. Ngoài ra ông Đặng Văn D không có vay tiền của ông H.

Tại các lần hoà giải trước chúng tôi xin trả cho ông H làm 02 lần như sau:

-Lần 1: Vào ngày 30/01/2021, vợ chồng chúng tôi trả 20.000.000 đồng;

-Lần 2: Vào ngày 30/06/2021, vợ chồng chúng tôi trả 24.000.000 đồng;

Và ông H phải trả lại ngay cho chúng tôi 01 sổ hộ khẩu Đặng Văn D và khi nào chúng tôi trả hết tiền cho ông H thì ông H phải trả lại sổ hộ khẩu gia đình tôi đứng ông Đặng Văn T mà chúng tôi đã giao cho ông H làm tin nhưng ông H không đồng ý.

Tại phiên toà hôm nay, chúng tôi không xin trả làm 02 lần cho ông H nữa mà đề nghị Toà án cho chúng tôi trả hết số tiền 44.000.000 đồng cho ông H trong thời hạn 10 năm, vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình tôi rất khó khăn. Về yêu cầu trả lãi của ông H, chúng tôi không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn T và bà Lê Thị H trả 7.500 kg Cà phê quả tươi hoặc trả lại 44.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật theo “*Giấy nhận tiền bán cà phê quả tươi để lấy tiền đầu tư hoặc giải quyết các công việc khác lúc cần*” ngày 30/7/2019, được bà H viết tại nhà ông H ở thôn 1, xã Ia Nhin, huyện Chư Păh. Trong quá trình hoà giải hai bên thống nhất đây là hợp đồng vay tiền, số tiền vay nợ là 44 triệu đồng chứ không phải là hợp đồng mua bán cà phê quả tươi. HĐXX xác định quan hệ này là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tiền*”, hình thức hợp đồng bằng văn bản, có chữ ký của các bên, bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Chư Păh. Theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đơn khởi kiện của ông H được Tòa án nhân dân huyện Chư Păh thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Xét về yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại tiền.

Các bên đều thừa nhận ông T, bà H có vay của ông H số tiền 44.000.000 đồng nhưng để bảo đảm cho việc trả nợ quy đổi là 7.500 kg cà phê quả tươi nên hai bên thoả thuận ký vào “*Giấy nhận tiền bán cà phê quả tươi để lấy tiền đầu tư hoặc giải quyết các công việc khác lúc cần*” ngày 30/7/2019, nhưng thực chất là hợp đồng vay tiền. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng vay tiền giữa ông T, bà H với ông H với số tiền 44.000.000 đồng (*bốn mươi bốn triệu đồng*) này không phải chứng minh.

[3] Về lãi suất: Trong quá trình hoà giải hai bên không thống nhất được mức lãi suất. Tại phiên toà, ông H yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi từ ngày 21/11/2019 đến ngày 15/01/2021 (ngày xét xử) là 2.640.000 đồng. Xét thấy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, bên vay hẹn trả nợ ngày 20/11/2019, hai bên không thoả thuận lãi. Căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 thì bên nguyên đơn có quyền yêu cầu bên bị đơn trả lãi chậm trả kể từ ngày 21/11/2019 với mức lãi suất không vượt quá 10%/năm của khoản tiền vay. Như vậy ông H yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi 2.640.000 đồng là thấp hơn quy định nên được chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn (ông H) về việc buộc bà bị đơn ông T, bà H phải trả cho ông H số tiền gốc 44.000.000 đồng và tiền lãi 2.640.000 đồng. Tổng cộng 2 khoản tiền trên là: 46.640.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng*)

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn (ông T, bà H) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $(46.640.000 \times 5\%) = 2.332.000$ đồng (*hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

Trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.166.000 đồng (*một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H đối với bị đơn ông Đặng Văn T và bà Lê Thị H.

Buộc ông Đặng Văn T và bà Lê Thị H phải trả cho ông Nguyễn Đăng H số tiền nợ: 46.640.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng*), trong đó 44.000.000 đồng tiền gốc, 2.640.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về tiền án phí: Buộc bị đơn ông Đặng Văn T và bà Lê Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 2.332.000 đồng (*hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đăng H số tiền: 1.166.000 đồng (*một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002847 ngày 10/6/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/01/2021), nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS huyện Chư Păh;
- Chi cục THADS huyện Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Bảo

